TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 544/2023/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 04 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 386/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Căn 312 Lô B1 Chung cư Phường B, Phường B, Quận C, Thành phố H.

- Ông Phạm Lợi A, sinh năm 1982; Địa chỉ thường trú: Căn hộ 14.06 Chung cư C, phường H, Quận B, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Phạm Lợi A và bà Nguyễn Thị Ngọc T qua thời gian tìm hiểu 02 năm thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2008 (Giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số 01/08 đăng ký ngày 18 tháng 4 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận B, Thành phố H).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì sau đó liên tục phát sinh mâu thuẫn.

Bà T trình bày: nguyên nhân mâu thuẫn do cả hai bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cách sống, không thể có điểm chung về mọi mặt như cách sinh hoạt, cách nuôi dạy con. Ông A trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do: ông A thiếu trách nhiệm với gia đình và điều kiện kinh tế khó khăn.

Từ những mâu thuẫn nêu trên dẫn đến cả hai vợ chồng hay cải vã, bất hòa không tìm được tiếng nói chung, dần đần cả hai ít chia sẽ và từ từ không còn quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của đôi bên. Tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và đến hiện tại cả hai không còn tình cảm vợ chồng nữa. Bà T và ông A đã nhiều lần tím cách giải quyết khắc phục để có cuộc sống gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ông A và bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tiếp tục chung sống cũng không mang đến hạnh phúc nên ông và bà yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Phạm Lợi A và bà Nguyễn Thị Ngọc T có 02 (Hai) con chung họ tên là: Phạm Đức A1 (Giới tính: Nam), sinh ngày 05/10/2008 và Phạm An H (Giới tính: Nam), sinh ngày 23/8/2010.

Sau khi ly hôn bà T và ông A thỏa thuận giao hai con chung cho bà Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông Phạm Lợi A cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 5.000.000 (Năm triệu) đồng cho đến khi phát sinh các căn cứ chấm dứt việc cấp dưỡng theo luật định, cấp dưỡng vào ngày 28 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thi hành cấp dưỡng vào tháng 8/2023 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét đây là sự tự nguyện và không trái pháp luật nên Tòa án ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Phạm Lợi A và bà Nguyễn Thị Ngọc T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về nợ chung: Ông Phạm Lợi A và bà Nguyễn Thị Ngọc T xác nhận không có, nên Tòa án ghi nhận.

[5] Về lệ phí: Ông Phạm Lợi A và bà Nguyễn Thị Ngọc T chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Lợi A và bà Nguyễn Thị Ngọc T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số 01/08 đăng ký ngày 18 tháng 4 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận B, Thành phố H).

1.2. Về con chung: Ông Phạm Lợi A và bà Nguyễn Thị Ngọc T có 02 (Hai) con chung, họ tên là: Phạm Đức A1 (Giới tính: Nam), sinh ngày 05/10/2008 và Phạm An H (Giới tính: Nam), sinh ngày 23/8/2010.

Sau khi ly hôn bà T và ông A thỏa thuận giao hai con chung cho bà Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông Phạm Lợi A cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 5.000.000 (Năm triệu) đồng cho đến khi phát

sinh các căn cứ chấm dứt việc cấp dưỡng theo luật định, cấp dưỡng vào ngày 28 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thi hành vào tháng 8/2023 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông Phạm Lợi A chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông A phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

Ông Phạm Lợi A có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Ông Phạm Lợi A và bà Nguyễn Thị Ngọc T xác nhận tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Ông Phạm Lợi A và bà Nguyễn Thị Ngọc T xác nhận không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Phạm Lợi A và bà Nguyễn Thị Ngọc T chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2023/0037052 ngày 03/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Phạm Lợi A và bà Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (Dung).

THẨM PHÁN

Hà Thị Luyến